

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/DS-ST

Ngày: 28-7-2020.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Minh

2. Ông Nguyễn Văn Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chí P, kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và ngày 28 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐXX-ST ngày 25 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2020/QĐST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Trần Thanh P, sinh năm: 1977;

2. Bà Nguyễn Thanh V, sinh năm: 1980.

Cùng nơi cư trú: Khóm B, thị trấn T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P, bà V là chị Lê Thị Thùy T, sinh năm: 1983;

Nơi cư trú: Ấp 3, xã L, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, theo Văn bản ủy quyền ngày 28/5/2020.

- Bị đơn:

1. Ông Hồ Văn C, sinh năm: 1973;

2. Bà Hà Kim P1, sinh năm: 1970.

Cùng nơi cư trú: Số 307, ấp B, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn ông C, bà P1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/01/2020, biên bản lấy lời khai ngày 16/6/2020 của anh Trần Thanh P; Biên bản hòa giải ngày 12/5/2020, ngày 29/5/2020 và trong quá trình xét xử:

** Nguyên đơn ông Trần Thanh P và bà Nguyễn Thanh V ủy quyền cho chị Lê Thị Thùy T trình bày:*

Căn cứ Hợp đồng vay tiền số 1009-2015, ngày 10/9/2015, tại Cửa hàng Thanh Phú, thuộc khóm Tân Đông B, thị trấn Thanh Bình, giữa ông P, bà V và ông C có thỏa thuận như sau: Ông P, bà V thống nhất cho ông C vay số tiền gốc là 48.180.000đ (*Bốn mươi tám triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng*), với lãi suất là 1%/tháng là 17.340.000đ (*Mười bảy triệu, ba trăm bốn mươi nghìn đồng*), tổng cộng gốc lãi là 65.520.000đ (*Sáu mươi lăm triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng*), thời hạn trả là 36 tháng (kỳ), mỗi tháng (kỳ) trả 1.820.000đ (*Một triệu, tám trăm hai mươi nghìn đồng*), ngày bắt đầu trả nợ là ngày 10/10/2015, thời hạn kết thúc việc trả nợ là ngày 10/9/2018. Ông P, bà V đã giao đủ số tiền vay cho ông C, trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông C đã trả gốc lãi được 17 tháng (kỳ) x 1.820.000đ = 30.940.000đ đến ngày 10/02/2017. Từ 10/03/2017 đến nay ông C không trả gốc lãi theo hợp đồng vay đã nêu trên, nên đã vi phạm hợp đồng vay tài sản đã ký. Hiện nay ông C còn nợ 19 tháng x 1.820.000đ = 34.580.000đ (*Ba mươi bốn triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng*).

Căn cứ Đơn yêu cầu ngày 17/6/2020 ông P, bà V xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc yêu cầu bà P1 liên đới đối với ông C trả lại số tiền còn nợ là 34.580.000đ.

Nay ông P, bà V yêu cầu cá nhân ông C trả lại số tiền còn nợ là 34.580.000đ, không yêu cầu tính lãi.

** Bị đơn ông Hồ Văn C và bà Hà Kim P1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông C, bà P1 không cung cấp văn bản ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của anh P, bà V cũng như tham dự phiên họp, hòa giải nên Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của ông C, bà P1 về việc yêu cầu khởi kiện của ông P, bà V.*

*Tại phiên tòa chị Lê Thị Thùy T, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Thanh P và bà Nguyễn Thanh V trình bày: Cam kết chữ ký tên và chữ viết họ tên trong hợp đồng vay tiền là của ông Hồ Văn C, nếu sai hoàn toàn chịu trách nhiệm, ông C đã nhận đủ số tiền vay gốc là 48.180.000đ, tại thời điểm ký kết hợp đồng vay tiền vào ngày 10/9/2015, sau khi nhận tiền xong ông C trả được 30.940.000đ đến ngày 10/02/2017, từ ngày 10/3/2017 đến nay không có trả được số tiền gốc lãi như đã thỏa thuận theo hợp đồng nêu trên. Nay ông P, bà V yêu cầu ông C trả lại số tiền còn nợ là 17.240.000đ, trong đó số tiền vay gốc 48.180.000đ trừ đi số tiền 30.940.000đ ông C đã trả, còn nợ lại là 17.240.000đ (*Mười bảy triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng*), không yêu cầu tính lãi.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa

phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng như không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án để tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, 2 để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình là vi phạm Điều 70, 72 BLTTDS năm 2015, cần phê phán rút kinh nghiệm.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận một phần yêu cầu của ông P, bà V về việc buộc ông C có trách nhiệm cá nhân trả lại cho ông P, bà V số tiền vay còn thiếu là 17.240.000đ. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông P, bà V về việc buộc bà Hà Kim P1 liên đới với ông C trả lại số tiền còn nợ là 17.240.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền giải quyết: Do tranh chấp giữa cá nhân và cá nhân, ông C, bà P1 hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú ấp Tân Hòa B, xã Tân Phú, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[1.2.] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ Hợp đồng vay tài sản ngày 10/9/2015, ông P, bà V khởi kiện yêu cầu ông C, bà P1 trả lại số tiền còn nợ là 34.580.000đ (*Ba mươi bốn triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng*), vì cho rằng ông C, bà P1 đã vi phạm hợp đồng nên làm phát sinh tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Tòa án huyện thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về pháp luật áp dụng: Hợp đồng vay tài sản được ký kết vào ngày 10/9/2015 và đang được thực hiện đến ngày 10/2/2017, bị đơn vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng ngày 10/3/2017, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định giao dịch dân sự chưa được thực hiện hoặc đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật này. Hợp đồng vay tài sản nêu trên có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của bộ luật Dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[1.4] Về việc vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa hôm nay ông C, bà P1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử xét thấy ông C, bà P1 đã được triệu tập hợp lệ đúng theo quy định, nhưng ông C, bà P1 vẫn vắng mặt, không có lý do. Nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo địa chỉ bị đơn ghi trong hợp đồng vay tài sản. Công an xã Tân Phú xác nhận ngày 11/6/2020, đương sự Hồ Văn C và Hà Kim P1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 307, ấp

B, xã T, huyện Thanh Bình, ông C, bà P1 đi làm ăn xa nhưng thường xuyên đi về nhà tại địa chỉ trên, hiện tại còn con của ông C, bà P1 là anh Hồ Tài N, sinh năm: 1994 đang đi làm và sinh sống tại địa chỉ nêu trên. Tòa án huyện đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng gồm thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo quy định pháp luật tố tụng, nhưng ông C, bà P1 không đến Tòa án tham dự phiên hòa giải, cũng như phiên tòa, đã chứng minh được bị đơn cố tình vắng mặt, không có ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C, bà P1 là phù hợp và đúng theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1.] Căn cứ vào hợp đồng vay tài sản ngày 10/9/2015, việc ông P, bà V có cho ông C vay tiền là có thật và đã xảy ra, ông C đã nhận đủ tiền vay gốc là 48.180.000đ và đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông P, bà V số tiền 30.940.000đ (17 kỳ, đến ngày 10/02/2017), từ ngày 10/3/2017 đến nay ông C không thực hiện việc trả nợ gốc, lãi đúng theo thỏa thuận hợp đồng vay tài sản theo định kỳ là ngày 10 hàng tháng và Hợp đồng đã hết thời hạn vào ngày 10/9/2018, nên ông C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng vay tài sản ngày 10/9/2015.

Tại phiên tòa người đại diện ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông C trả lại số tiền nợ gốc là 17.240.000đ (trong đó số tiền nợ gốc là 48.180.000đ trừ số tiền ông C đã trả là 30.940.000đ đã trả, còn nợ là 17.240.000đ), xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự và có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

Ông C đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, ông C không có văn bản trình bày ý kiến về việc có nợ của ông P, bà V hay không và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C, nên Hội đồng xét xử không xem xét ý kiến hay yêu cầu của ông C đối với số tiền nợ nêu trên.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông P, bà V buộc ông C có trách nhiệm cá nhân trả lại cho ông P, bà V số tiền còn nợ là 17.240.000đ (*Mười bảy triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng*) là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 BLDS năm 2015.

[2.2.] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông P, bà V về việc yêu cầu bà Hà Kim P1 liên đới với ông Hồ Văn C trả lại số tiền còn nợ là 34.580.000đ, căn cứ đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của ông P, bà V ngày 17/6/2020 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền là chị T thông nhất tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bà P1, không yêu cầu bà P1 liên đới với ông C trả lại số tiền nợ 34.580.000đ, do bà P1 không có ký tên trong hợp đồng vay tài sản. Việc nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu và việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu của nguyên đơn đã rút về

việc yêu cầu bà P1 liên đới với ông C trả lại số tiền vay còn nợ, được quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

- Bị đơn ông Hồ Văn C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn ông Trần Thanh P, bà Nguyễn Thanh V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 26, điểm b, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 244 và khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh P, bà Nguyễn Thanh V đối với ông Hồ Văn C.

Buộc ông Hồ Văn C có trách nhiệm cá nhân trả lại cho ông Trần Thanh P, bà Nguyễn Thanh V số tiền còn nợ 17.240.000đ (*Mười bảy triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh P, bà Nguyễn Thanh V về việc yêu cầu bà Hà Kim P1 có trách nhiệm liên đới với ông Hồ Văn C trả lại số tiền gốc, lãi còn nợ theo Hợp đồng vay tài sản số 1009-2015 ngày 10/9/2015.

3. Về án phí:

Bị đơn ông Hồ Văn C phải chịu 862.000đ (*Tám trăm sáu mươi hai nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Trần Thanh P, bà Nguyễn Thanh V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông P, bà V toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

864.000đ (*Tám trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*) theo biên lai số BH/2018- 0008361 ngày 13/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 28/7/2020). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình;
- Chi cục THA DS huyện Thanh Bình;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- Cổng thông tin Điện tử Tòa án;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lý Thị Bích Thơ